

Số 47/QCLN-CTHADS-CA-TA-VKS

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ
PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN
DÂN SỰ, HÀNH CHÍNH

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2018 (sửa đổi bổ sung năm 2014, 2018, 2020, 2022);

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 33) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Để tăng cường sự phối hợp trong công tác giữa Cơ quan Thi hành án dân sự, Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trong công tác thi hành án dân sự, hành chính và những việc có liên quan đến công tác thi hành án dân sự, hành chính; Cục Thi hành án dân sự, Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu thống nhất ban hành “Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự, hành chính” như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp liên ngành giữa Cơ quan Thi hành án dân sự, Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trong công tác thi hành án dân sự, hành chính.

Điều 2. Mục đích của việc phối hợp

1. Tăng cường trách nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện và sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

2. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác thi hành án dân sự, hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định pháp luật.

2. Chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời.

3. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp liên ngành.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.

4. Thành lập các Đoàn công tác liên ngành.

5. Các hình thức khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện (gọi chung là Cơ quan Thi hành án dân sự); Công an tỉnh và Công an cấp huyện (gọi chung là Cơ quan Công an); Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện (gọi chung là Tòa án nhân dân); Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (gọi chung là Viện kiểm sát nhân dân).

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp trong việc tổ chức họp liên ngành

1. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước khi tổ chức họp liên ngành, cơ quan chủ trì họp phải gửi giấy mời, dự thảo báo cáo nội dung cuộc họp, những vấn đề cần trao đổi và các tài liệu liên quan khác đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, tham gia góp ý.

Đối với những trường hợp trao đổi ý kiến bằng văn bản, cơ quan chủ trì phải nêu rõ thời gian đề nghị cơ quan phối hợp trả lời và phải gửi công văn trao đổi ý kiến, kèm theo các tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp chậm nhất là 10 ngày trước khi đến hạn trả lời.

Đối với những trường hợp đột xuất hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo các Ngành, cơ quan chủ trì phải gửi công văn trao đổi ý kiến và các tài liệu liên quan khác đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, trả lời ngay trong ngày làm việc.

2. Lãnh đạo Cơ quan Thi hành án dân sự, Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân chỉ đạo cán bộ tham mưu nghiên cứu, chuẩn bị tham

gia ý kiến trả lời với cơ quan phối hợp đầy đủ, đảm bảo tiến độ, hiệu quả. Đối với những nội dung góp ý có căn cứ pháp lý, cơ quan chủ trì họp cần tiếp thu; đối với những vấn đề chưa nhất trí với cơ quan phối hợp cần trao đổi, thảo luận để đi đến thống nhất chung.

3. Trong quá trình trao đổi tại các cuộc họp liên ngành, các cơ quan phối hợp phát hiện những điểm chưa phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thi hành án dân sự, hành chính có trách nhiệm phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền để hủy bỏ, sửa đổi hoặc bổ sung. Trường hợp các đơn vị chuyên môn thuộc cơ quan phối hợp không thống nhất được hướng giải quyết khó khăn, vướng mắc về thi hành án dân sự, hành chính thì báo cáo ngay Lãnh đạo Cơ quan Thi hành án dân sự, Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân để thống nhất ý kiến.

Điều 7. Phối hợp trong việc hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án dân sự, hành chính, cấp và chuyển giao bản án, quyết định

1. Tòa án nhân dân chuyển giao bản án, quyết định theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Thi hành án dân sự kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

Việc chuyển giao bản án, quyết định và các tài liệu khác (nếu có) được thực hiện thông qua đường bưu chính hoặc giao nhận trực tiếp, ưu tiên giao nhận trực tiếp, khi chuyển giao trực tiếp phải lập biên bản hoặc ký nhận sổ. Nếu nhận qua đường bưu điện phải làm văn bản thông báo cho cơ quan gửi biết. Định kỳ hàng quý Văn phòng Tòa án và Văn phòng Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp đối chiếu việc giao nhận bản án, quyết định.

Trường hợp khi chuyển giao bản án, quyết định mà Tòa án không gửi kèm các tài liệu có liên quan đến việc thi hành án (như Lệnh kê biên, biên bản kê biên tài sản, bản vẽ, biên bản thẩm định tại chỗ, chứng thư hoặc biên bản định giá....) thì Cơ quan Thi hành án dân sự có văn bản đề nghị nêu rõ tên văn bản, tài liệu cần cung cấp, trong thời hạn 05 ngày làm việc Tòa án phải cung cấp cho Cơ quan Thi hành án dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật thi hành án dân sự hoặc trả lời bằng văn bản.

Đối với bản án, quyết định về vụ án hình sự có phần tiền, tài sản phải thi hành, Tòa án nhân dân trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi có quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo thì gửi quyết định thi hành án hình sự đến Cơ quan Thi hành án dân sự biết để việc tổ chức thi hành án dân sự được nhanh chóng và thuận lợi.

2. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc cấp, gửi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay của Tòa án nhân dân cho Cơ quan Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại Điều 27, 38; khoản 3 Điều 137 Luật Thi hành án dân sự; Điều 484, 485 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 362, 365 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 196, 244 Luật tố tụng hành chính; Điều 13 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Kiểm sát thời hạn cấp, chuyển bản án, quyết định kê biên, tạm giữ vật chứng, tang vật tài sản

và các tài liệu khác có liên quan kèm theo cho Cơ quan Thi hành án dân sự. Kiểm sát thủ tục nhận bản án, quyết định của Cơ quan Thi hành án dân sự theo quy định của Điều 29 Luật Thi hành án dân sự.

Điều 8. Phối hợp trong giải thích, sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định; trả lời kiến nghị; thụ lý và giải quyết yêu cầu của Cơ quan Thi hành án dân sự

1. Khi có yêu cầu Tòa án giải thích, sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định theo Điều 486, 268 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 365 Luật tố tụng Hình sự; Điều 197 Luật tố tụng Hành chính hoặc kiến nghị bản án, quyết định theo Điều 179 Luật Thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án dân sự phải thực hiện đúng hướng dẫn tại Điều 9, 10 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự; đồng thời phải kèm theo tài liệu liên quan đến yêu cầu kiến nghị. Các văn bản yêu cầu kiến nghị của Cơ quan Thi hành án dân sự đồng thời gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp biết.

2. Tòa án nhân dân đã ra bản án, quyết định phải thực hiện kịp thời các yêu cầu, kiến nghị của Cơ quan Thi hành án dân sự và đương sự theo quy định tại Điều 487 Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 366 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 197 Luật tố tụng Hành chính.

Căn cứ văn bản trả lời của Tòa án, Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án hoặc quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án đã ban hành trước đó theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Trong trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự nhận thấy việc giải thích bản án của Tòa án chưa phù hợp với nội dung vụ việc, chưa đúng với bản án thì thực hiện như sau:

Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức cuộc họp liên ngành (THADS-VKSND-TAND) để thống nhất hướng giải quyết. Sau khi họp liên ngành không thống nhất được hướng giải quyết, Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm báo cáo Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự để họp giải quyết.

Trường hợp có căn cứ kháng nghị đối với bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm thì Cơ quan Thi hành án dân sự chủ trì phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân họp bàn. Sau đó có văn bản kiến nghị hoặc báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền xem xét. Trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự biết thông tin về việc Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân đã thụ lý đơn yêu cầu xem xét giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án đã được thi hành xong thì thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị biết.

3. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc giao và giải thích, sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định của Tòa án nhân dân khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 179 Luật Thi hành án dân sự; Điều 486 Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 365 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 197 Luật tố tụng Hành chính.

Điều 9. Phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự, hành chính

1. Đối với những vụ việc có tính chất phức tạp, cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo tổ chức cuộc họp liên ngành hoặc thành lập Đoàn công tác liên ngành tiến hành xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại, tố cáo và thống nhất biện pháp giải quyết với cơ quan phối hợp liên quan.

Chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tổ chức họp hoặc trước khi thành lập Đoàn công tác liên ngành, cơ quan chủ trì phải gửi giấy mời, các tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp để nghiên cứu, lên kế hoạch tham gia.

Đối với trao đổi ý kiến bằng văn bản, cơ quan chủ trì phải nêu rõ thời gian đề nghị cơ quan phối hợp trả lời và phải gửi công văn trao đổi ý kiến, kèm theo tài liệu liên quan đến cơ quan phối hợp chậm nhất là 10 ngày trước khi đến hạn trả lời.

Đối với những trường hợp đột xuất hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo các Ngành, cơ quan chủ trì phải gửi công văn trao đổi ý kiến và các tài liệu liên quan khác đến cơ quan phối hợp nghiên cứu, trả lời ngay trong ngày làm việc.

2. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự được quy định từ các Điều 140 đến Điều 159 Luật Thi hành án dân sự; Điều 38 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 33) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Điều 9 Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án; Điều 343 Luật tố tụng Hành chính. Đối với những vụ việc khiếu nại, tố cáo có tính chất phức tạp, đông người, theo yêu cầu của cơ quan Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có thể cử Kiểm sát viên tham gia phối hợp để kiểm sát quá trình giải quyết của Cơ quan Thi hành án dân sự, đương sự theo thẩm quyền.

Điều 10. Phối hợp trong kiểm sát về thi hành án dân sự, hành chính

1. Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thi hành án dân sự, hành chính để phát hiện, xử lý và phòng ngừa vi phạm pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp thực hiện một năm không quá hai cuộc kiểm sát thường kỳ (trừ trường hợp đột xuất và theo quy định của ngành hoặc theo yêu cầu của cấp ủy, Hội đồng nhân dân...) nhằm đảm bảo việc kiểm sát không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Chấp hành viên, Cơ quan Thi hành án dân sự. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh kiểm sát Cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện thì phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện để thực hiện chung trong cuộc kiểm sát đó.

2. Kế hoạch kiểm sát phải xác định rõ nội dung kiểm sát, thời gian, tiến độ thực hiện. Khi kết thúc cuộc kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân phải công bố ngay dự thảo kết luận kiểm sát.

3. Trong quá trình kiểm sát hồ sơ thi hành án đã xử lý bằng các hình thức hoãn thi hành án, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành án,

tiếp tục thi hành án, ủy thác thi hành án, thu hồi quyết định thi hành án, sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án, quyết định cưỡng chế thi hành án....; Viện kiểm sát nhân dân hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan Thi hành án dân sự và thông báo kết quả kiểm sát trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, để Chấp hành viên tiếp tục giải quyết hoặc đưa hồ sơ vào lưu trữ theo đúng thời gian quy định.

4. Đối với yêu cầu cung cấp hồ sơ (theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Thi hành án dân sự) Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

5. Đối với việc gửi quyết định về thi hành án (theo quy định tại Điều 38 Luật Thi hành án dân sự) Cơ quan Thi hành án dân sự gửi kèm các loại giấy tờ cụ thể như sau:

+ Đối với quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu khi gửi quyết định thi hành án cho Viện kiểm sát cùng cấp phải gửi kèm theo đơn yêu cầu thi hành án (phô tô).

+ Đối với quyết định thi hành án chưa có điều kiện thi hành án khi gửi quyết định chưa có điều kiện thi hành án cho Viện kiểm sát cùng cấp phải gửi kèm biên bản xác minh điều kiện thi hành án (phô tô).

+ Đối với quyết định thi hành án đình chỉ thi hành án khi gửi quyết định đình chỉ cho Viện kiểm sát cùng cấp phải gửi kèm các tài liệu là căn cứ đình chỉ thi hành án (phô tô).

+ Đối với quyết định thi hành án hành chính khi gửi quyết định buộc thi hành án hành chính cho Viện kiểm sát cùng cấp, Tòa án phải gửi kèm đơn yêu cầu hoặc biên bản ghi nhận yêu cầu thi hành án hành chính (phô tô).

Điều 11. Phối hợp trong công tác thu tiền, tài sản; đặc xá, xuất nhập cảnh

1. Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo bộ phận Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự có yếu tố bồi thường, tùy theo tính chất của từng vụ án cần chủ động áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản, tài sản, kê biên tài sản theo Điều 128, 129, 437 Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 114 Bộ luật tố tụng Dân sự để tránh tẩu tán tài sản, đảm bảo việc thực hiện bản án, quyết định của Tòa án theo quy định pháp luật.

Công an tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh, Trại tạm giam, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án hình sự cấp huyện, Nhà tạm giữ phối hợp với Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện tốt việc thu, nộp, quản lý tiền, giấy tờ của người phải thi hành án và trả tiền, giấy tờ của được thi hành án là phạm nhân theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BTP-BCA-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính; lập danh sách theo dõi và thực hiện việc tuyên truyền, vận động người phải thi hành án đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam, Nhà tạm giữ hoặc thân nhân của họ tự nguyện thi hành nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Đối với phạm nhân chưa thực hiện xong hình phạt bổ sung hoặc trách nhiệm dân sự là tiền, tài sản mà có quyết định đưa đến Trại tạm giam, Nhà tạm giữ hoặc

chuyển trại giam khác (phạm nhân có quyết định chuyển trại); phạm nhân đã chết hoặc đã chấp hành xong hình phạt tù thì Trại tạm giam, Nhà tạm giữ phải có văn bản thông báo đến Cơ quan Thi hành án dân sự nơi Tòa án xét xử sơ thẩm biết.

2. Tòa án nhân dân tạo điều kiện cho bị cáo hoặc gia đình bị cáo đến Cơ quan Thi hành án dân sự tự nguyện nộp tiền, tài sản, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra hoặc để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật đối với phần trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự.

Trại tạm giam, Nhà tạm giữ cấp biên lai thu tiền, biên bản nhận tài sản cho bị can, bị cáo, phạm nhân và thông báo cho Tòa án nơi xét xử vụ án và Cơ quan Thi hành án dân sự để phối hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án; các quyết định của Cơ quan Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án là phạm nhân được đặc xá, đã chấp hành xong hình phạt tù theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa thi hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự thì Cơ quan Công an phối hợp các Ngành liên quan xem xét quyết định việc xuất cảnh theo quy định của pháp luật xuất, nhập cảnh.

3. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc thu, nộp, quản lý tiền, giấy tờ của người phải thi hành án dân sự là phạm nhân và trả tiền, giấy tờ cho người được thi hành án dân sự là phạm nhân theo quy định.

Điều 12. Phối hợp trong công tác cưỡng chế thi hành án dân sự

1. Trước khi tiến hành cưỡng chế thi hành án, Cơ quan Thi hành án dân sự phải gửi kế hoạch cưỡng chế cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để thực hiện kiểm sát theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Luật Thi hành án dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tham gia trực tiếp kiểm sát tất cả các vụ việc cưỡng chế thi hành án dân sự, trừ trường hợp do yêu cầu công việc không thể bố trí được kiểm sát viên tham gia thì phải thông báo cho Cơ quan Thi hành án dân sự ít nhất 01 ngày làm việc trước khi tiến hành cưỡng chế.

2. Khi có đề nghị hỗ trợ cưỡng chế thi hành án của Cơ quan Thi hành án dân sự, Cơ quan Công an cùng cấp xây dựng kế hoạch phối hợp bảo đảm an ninh trật tự cho việc tổ chức cưỡng chế của Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp theo quy định của Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an. Bảo đảm bố trí đủ lực lượng bảo vệ cưỡng chế và xây dựng kế hoạch, phương án bảo vệ cưỡng chế có tính khả thi để việc cưỡng chế thi hành án đạt hiệu quả.

Cấp tỉnh: Giao Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án thuộc Cục Thi hành án dân sự và Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Công an tỉnh chịu trách nhiệm trao đổi thông tin, thu thập hồ sơ, tài liệu, xác minh những vấn đề có liên quan đến cưỡng chế, dự thảo kế hoạch thực hiện báo cáo lãnh đạo hai cơ quan để thống nhất chỉ đạo.

Cấp huyện: Giao Lãnh đạo phụ trách nghiệp vụ của Chi cục Thi hành án dân sự và Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp chịu trách nhiệm trao đổi

thông tin, thu thập hồ sơ, tài liệu, xác minh những vấn đề có liên quan đến cưỡng chế, dự thảo kế hoạch thực hiện báo cáo lãnh đạo hai cơ quan để thống nhất chỉ đạo.

3. Thực hiện cưỡng chế thi hành án dân sự.

Cơ quan Thi hành án dân sự (Chấp hành viên) phải kiểm tra hồ sơ cưỡng chế trước khi gửi Viện kiểm sát cùng cấp để kiểm sát, hồ sơ cưỡng chế gửi Viện kiểm sát phải được sắp xếp khoa học, theo thời gian, đánh bút lục đảm bảo đầy đủ các tài liệu, trình tự, thủ tục cần thiết và đánh số bút lục theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát kiểm sát hồ sơ cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, đối với những vụ việc phức tạp thì thời hạn kiểm sát hồ sơ có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ thi hành án.

Trước khi xây dựng kế hoạch cưỡng chế, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự phải gửi văn bản cung cấp thông tin, trao đổi ý kiến với Cơ quan Công an cùng cấp những nội dung quy định theo Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an.

Việc xây dựng kế hoạch cưỡng chế thi hành án dân sự giữa hai Cơ quan Thi hành án dân sự và Công an cùng cấp được thực hiện đúng trình tự thủ tục, thời gian, nội dung quy định theo Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an.

Cơ quan Công an kịp thời có ý kiến bằng văn bản hoặc trao đổi trực tiếp về các nội dung đề nghị phối hợp bảo vệ cưỡng chế của Cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc, trường hợp phức tạp không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản.

Trường hợp Cơ quan Công an cùng cấp có ý kiến khác về yêu cầu phối hợp bảo vệ cưỡng chế thì ngay sau khi nhận được ý kiến, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức họp với Cơ quan Công an cùng cấp để trao đổi, thống nhất biện pháp giải quyết.

Sau khi thống nhất ý kiến với Cơ quan Công an cùng cấp, Chấp hành viên phải dự thảo xong kế hoạch cưỡng chế, trong thời hạn 05 ngày làm việc Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự tổ chức cuộc họp với sự tham gia của Cơ quan Công an cùng cấp, các cơ quan tổ chức liên quan để tham khảo ý kiến, tại cuộc họp đóng góp ý kiến Cơ quan Thi hành án dân sự sẽ ấn định thời gian tổ chức cưỡng chế.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức họp đóng góp ý kiến vào dự thảo kế hoạch cưỡng chế, Thủ trưởng Cơ quan Thi hành án dân sự xem xét phê duyệt kế hoạch cưỡng chế. Kế hoạch cưỡng chế được gửi ngay cho Cơ quan Công an cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Khoản 3 Điều 72 Luật Thi hành án dân sự.

Cơ quan Công an nắm chắc tình hình, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các lực lượng tham gia cưỡng chế.

4. Trường hợp cưỡng chế đối với người phải thi hành án có liên quan đến tôn giáo, dân tộc, Cơ quan Thi hành án dân sự cần tổ chức họp để thông tin cho các Ngành liên quan, cùng trao đổi và làm việc với đại diện chức sắc tôn giáo, dân tộc;

đồng thời xin ý kiến Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự cùng cấp trước khi tiến hành cưỡng chế.

5. Trường hợp sau khi cưỡng chế thi hành án đã kết thúc, đương sự có hành vi tái chiếm thì Cơ quan Công an cơ sở phối hợp với Chính quyền địa phương lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Đồng thời, Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phối hợp tiến hành xử lý khi có dấu hiệu tội phạm, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho người được nhận tài sản.

Điều 13. Phối hợp trong giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ và tiêu hủy vật chứng, tài sản

1. Việc giao nhận vật chứng tài sản tạm giữ được tiến hành tại kho vật chứng của Cơ quan Thi hành án dân sự, bên giao có trách nhiệm vận chuyển vật chứng, tài sản tạm giữ đến kho của Cơ quan Thi hành án dân sự. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ không thể vận chuyển, di dời về bảo quản tại kho của Cơ quan Thi hành án dân sự thì địa điểm giao nhận vật chứng tại nơi đang gửi, giữ hoặc nơi có tài sản theo quy định tại Điều 122, 123 Luật Thi hành án dân sự.

2. Việc tiêu hủy vật chứng, tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 125 Luật Thi hành án dân sự; Điều 33 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 33) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tiêu hủy vật chứng, tài sản. Trước khi tiêu hủy vật chứng, tài sản Cơ quan Thi hành án dân sự phải thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và các cơ quan liên quan trước 03 ngày làm việc; nội dung thông báo nêu rõ thời gian, địa điểm, chủng loại vật chứng, tài sản và biện pháp tiêu hủy.

Điều 14. Phối hợp trong việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước

Đối với vật chứng tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước, trước khi xét xử Tòa án nhân dân cần làm rõ hiện trạng, chủng loại, số hiệu... của vật chứng, tài sản tạm giữ; nhằm tạo điều kiện cho Cơ quan Tài chính cùng cấp có đủ căn cứ để hợp thức hóa quyền sở hữu cho người mua tài sản sung quỹ nhà nước. Việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Thi hành án dân sự; Điều 32 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 33) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 15. Phối hợp trong việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước

1. Khi người phải thi hành án các khoản nộp ngân sách nhà nước đủ điều kiện xét miễn, giảm thì Cơ quan Thi hành án dân sự lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm gửi Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét miễn, giảm theo quy định tại Điều 61, 62, 63 Luật Thi hành án dân sự; Thông tư

liên tịch số 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện kiểm sát hồ sơ và kháng nghị quyết định của Tòa án nhân dân về miễn, giảm nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 64 Luật Thi hành án dân sự.

Điều 16. Phối hợp trong việc thẩm định, đo đạc, định giá đất tranh chấp

Theo yêu cầu của Tòa án nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự cử người có trách nhiệm phối hợp cùng Thẩm phán hỗ trợ trong việc thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp. Đối với trường hợp phức tạp, Cơ quan Công an cử lực lượng tham gia bảo vệ theo yêu cầu của Thẩm phán.

Điều 17. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự, hành chính

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Cơ quan Thi hành án dân sự, Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự để đương sự, công dân, cơ quan, tổ chức thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, đảm bảo cho công tác thi hành án dân sự đạt hiệu quả cao, hạn chế khiếu nại.

Điều 18. Phối hợp trong thống kê, đánh giá, chỉ đạo giải quyết thi hành các bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành

1. Định kỳ hàng tháng, năm, Cơ quan Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thực hiện báo cáo thống kê liên ngành theo quy định tại Thông tư số 12/2021/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn phối hợp trong thống kê thi hành án dân sự.

2. Định kỳ hàng quý (vào ngày 25 của cuối quý), Cơ quan Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thực hiện việc rà soát, đánh giá, xác định bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành do Cơ quan Thi hành án dân sự cung cấp. Trường hợp thống nhất được hướng giải quyết việc thi hành bản án, quyết định tuyên không rõ khó thi hành thì Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Cơ quan Thi hành án dân sự phối hợp giải quyết. Trường hợp ngành nào không thống nhất hướng giải quyết thi hành bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành, thì ngành đó tự báo cáo cấp trên xem xét, xử lý.

3. Định kỳ vào nửa đầu tháng 9 hàng năm, Cơ quan Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tổ chức họp liên ngành xem xét, đánh giá, xác định các trường hợp bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành.

4. Căn cứ cuộc họp liên ngành, Cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện việc thi hành án. Tòa án nhân dân đã ra bản án, quyết định giải thích bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành và phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thi hành án dân sự trong việc thi hành bản án, quyết định đó. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định đã được giải thích.

Điều 19. Phối hợp trong việc thi hành các vụ án lớn, phức tạp, khó thi hành

Cơ quan Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thực hiện báo cáo Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự để tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tại khoản 1, khoản 2 Điều 173; khoản 1, khoản 2 Điều 174 Luật Thi hành án dân sự.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Cơ quan Thi hành án dân sự

1. Chủ trì làm đầu mối trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ động xây dựng dự thảo chương trình, kế hoạch phối hợp trong công tác thi hành án dân sự, hành chính.
3. Phối hợp với cơ quan liên quan hoàn thiện và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phối hợp trong thi hành án dân sự, hành chính.
4. Đôn đốc theo dõi đánh giá về công tác phối hợp.
5. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp.
6. Chỉ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức họp liên ngành vào tháng 10 hàng năm để tổng kết nhằm đánh giá kết quả việc thực hiện Quy chế, rút kinh nghiệm, những khó khăn, vướng mắc, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự và trong công tác năm sau.

Điều 21. Trách nhiệm của Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân

Trên cơ sở đề nghị của cơ quan chủ trì, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm:

1. Tham gia, chỉ đạo trong ngành thực hiện theo tiến độ, đảm bảo chất lượng các nội dung phối hợp.
2. Cử người tham gia Đoàn công tác liên ngành (nếu có) và tạo điều kiện cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Đôn đốc, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp trong lĩnh vực quản lý của mình gửi cơ quan chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo chung theo Quy chế này.

Điều 22. Trách nhiệm của Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân trực thuộc

1. Cơ quan Thi hành án dân sự, Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới có trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên, phối hợp trong việc giải quyết việc thi hành án dân sự ở địa phương theo

chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên và kết quả các cuộc họp liên ngành đã được thống nhất.

2. Hàng tháng, Cơ quan Thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, có trách nhiệm báo cáo thống kê liên ngành theo đúng các biểu mẫu quy định tại Thông tư số: 12/2021/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn phối hợp trong thống kê thi hành án dân sự; kiểm tra, rà soát, phân loại, thống kê lập danh sách các bản án, quyết định của Tòa án được đưa ra thi hành và bản án, quyết định chưa được đưa ra thi hành; phân tích rõ lý do đối với bản án, quyết định chưa được thi hành và tùy từng trường hợp mà xử lý như sau: Đối với bản án quyết định Tòa án tuyên không rõ nhưng có thể giải thích hoặc sửa chữa, bổ sung được theo quy định của pháp luật để thi hành thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự hoặc của Cơ quan Thi hành án dân sự, Tòa án phải có văn bản giải thích hoặc sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định gửi cho đương sự, cơ quan yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Trên cơ sở Quy chế này, Cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện phối hợp với Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện.

Điều 23. Trách nhiệm của Trưởng Đoàn công tác liên ngành

Trưởng Đoàn công tác liên ngành có trách nhiệm thực hiện kế hoạch công tác đã được ban hành; báo cáo kết quả công tác cho cơ quan chủ trì và thông báo kết quả đến các cơ quan phối hợp, địa phương, đơn vị được kiểm tra để thực hiện những kiến nghị của Đoàn công tác liên ngành trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc chuyến công tác.

Điều 24. Trách nhiệm của công chức cử tham gia phối hợp

1. Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch công tác phối hợp của cơ quan chủ trì và báo cáo lãnh đạo cơ quan mình về kết quả phối hợp theo quy định.

2. Tham gia góp ý, chủ động đề xuất các biện pháp phối hợp trong thi hành án dân sự, hành chính.

3. Tiếp cận thông tin, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ và phải chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan khi không hoàn thành nhiệm vụ phối hợp liên ngành.

4. Trường hợp công chức được phân công tham gia đoàn công tác liên ngành không thể tham gia thì phải có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan cử người thay thế kịp thời.

Điều 25. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp liên ngành được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trong trường hợp pháp luật không quy định cụ thể thì việc lập dự toán kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp thực hiện theo nguyên tắc cơ quan nào chủ trì xử lý vụ việc cơ quan đó đảm bảo kinh phí phục vụ công tác phối hợp.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự số 478/2014/QCLN/CTHADS-CA-TAND-VKSND ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Cục Thi hành án dân sự, Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Cơ quan Thi hành án dân sự để tổng hợp, phối hợp với Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu để trao đổi, thống nhất và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**CỤC TRƯỞNG
CỤC THADS TỈNH BẠC LIÊU**



Lê Quốc Minh

**CHÁNH ÁN
TAND TỈNH BẠC LIÊU**



Đặng Quốc Khởi

**KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VKSND TỈNH BẠC LIÊU**



Nguyễn Hoàng Minh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG AN TỈNH BẠC LIÊU**



Bùi Xuân Khởi

Nơi nhận:

- Tổng cục THADS;
- VKSND TC;
- TAND TC;
- Bộ Công an;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trường ban chỉ đạo THADS tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Trường ban chỉ đạo THADS huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục THADS huyện, thị xã, thành phố;
- Công an huyện, thị xã, thành phố;
- VKSND huyện, thị xã, thành phố;
- TAND huyện, thị xã, thành phố;
- Đăng trang TTĐT Cục, CA, TA, VKS;
- Lưu VT: CTHADS, CA, TAND, VKSND.